

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH Q**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 163/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09/7/2021
Về việc: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần V Một.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Tô Đình Trị.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc: “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Tường V** - Sinh năm 1991. Có mặt.

Trú tại: Thôn 4, xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh **Ngô V** – Sinh năm 1989. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 17, thôn Tú Mỹ, xã Bình Tú, huyện TB, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2021 và biên bản trình bày cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Tường V trình bày:

Tôi và anh Ngô V tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau và đi đến kết hôn năm 2013, có đăng ký tại UBND xã Bình Tú, huyện TB, tỉnh Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V có quan hệ ngoại tình với người khác, từ đó anh V về nhà tìm cơ gây gổ, xúc phạm tôi, bản thân anh V cũng không lo làm ăn, không có trách nhiệm gì với gia đình. Sự việc này hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi gì. Vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến

nay, tôi và con thì sống tại nhà mẹ đẻ tôi ở xã Phước Hiệp, huyện Phước Sơn còn anh V thì sống tại nhà cha mẹ anh V ở xã Bình Tú, huyện TB, hai bên không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, từ khi chúng tôi sống ly thân đến nay anh V không một lần gọi điện hỏi thăm con, không lên nhà mẹ tôi thăm con, anh V sống vô trách nhiệm với vợ con. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên tôi tha thiết xin được ly hôn với anh Ngô V.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Ngô Quốc V – sinh ngày 04/4/2014. Nguyên vọng của tôi xin được nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Ngô V mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các V bản tố tụng cho anh Ngô V nhưng anh V vẫn không đến Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của anh Ngô V.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn không tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Tường V.

+ Về con chung: Xử giao cho chị Trương Thị Tường V nuôi con chung Ngô Quốc V – Sinh ngày 04/4/2014 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Tường V không yêu cầu anh Ngô V cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

+ Về tài sản chung: Chị V khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

+ Về nợ chung: Chị V khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Ngô V cư trú tại xã BT, huyện TB, tỉnh Q; Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Q thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Ngô V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Ngô V.

2/ Về nội dung vụ án: Chị Trương Thị Tường V và anh Ngô V tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2013, có đăng ký tại UBND xã Bình Tú, huyện TB, tỉnh Q. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V là do anh V có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, thường xuyên về nhà gây gỗ và xúc phạm chị, mặc dù mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng cuộc sống vợ chồng chị V, anh V vẫn không thay đổi gì, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc và hiện nay chị V và anh V đã sống ly thân đã hơn 04 năm nay, không ai quan tâm đến nhau. Nay chị V thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh Ngô V. Còn về phía anh Ngô V không chịu hợp tác làm việc với Tòa, cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Hành vi của anh V thể hiện sự coi thường pháp luật và không có thiện chí trong việc hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng của chị V và anh V đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân trong một thời gian dài mà tình hình vẫn không cải thiện nên việc chị V xin ly hôn là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình V Nam nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V.

3/ Về con chung: Chị V và anh V có 01 con chung tên là Ngô Quốc V— sinh ngày 04/4/2014. Tại phiên Tòa chị V yêu cầu được nuôi con chung Ngô Quốc V đến 18 tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị V thì thấy: Chị V hiện nay có việc làm và chỗ ở ổn định, con chung Ngô Quốc V hiện nay đang sống cùng với chị V, bản thân cháu Ngô Quốc V đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, bản thân anh V coi thường pháp luật, không có thiện chí hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, chị V có nguyện vọng xin nuôi con là có căn cứ, đúng pháp luật nên xử giao con chung Ngô Quốc V, sinh ngày 04/4/2014 cho chị V nuôi dưỡng đến 18 tuổi trưởng thành.

4/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Tường V không yêu cầu anh Ngô V cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

5/ Về tài sản chung: Chị V khai vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

6/ Về nợ chung: Chị V khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

7/ Về án phí: Xét buộc chị Trương Thị Tường V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Tường V, xử cho chị Trương Thị Tường V và anh Ngô V ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Trương Thị Tường V nuôi con chung Ngô Quốc V- Sinh ngày 04/4/2014 đến 18 tuổi trưởng thành.

Chị Trương Thị Tường V không yêu cầu anh Ngô V cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Xử buộc chị Trương Thị Tường V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng y) án phí LHST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng y) mà chị Trương Thị Tường V đã nộp theo biên lai thu số 0005819 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- UBND xã BT.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần V Một